

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HS-ST
Ngày 15-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thanh

Ông Lương Văn Cầu

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 15 Tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 18/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo: N M T, sinh ngày 10-3-1992 tại: Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Số nhà 213, đường B Đ (Đường số 8 cũ), Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Thợ sửa chữa điện thoại di động; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông N N N và bà H T L; Có vợ tên N T M A và 01 con sinh năm 2017; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 02 ngày 12-6-2020 từ ngày 17-6-2020 cho đến ngày 16-7-2020.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

-Bị hại:

1/ Chị T T K Ch, sinh ngày 06-10-1993 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp B T, xã B M, huyện C P, tỉnh An Giang.

2/ Chị V T K A, sinh ngày 10-11-1986 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp B T, xã B T, huyện C P, tỉnh An Giang.

3/ Bà H T Th, sinh năm 1979 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp B P, xã B T, huyện C P, tỉnh An Giang.

4/ Chị N T T L, sinh ngày 01-10-1991; chết ngày 04-02-2020
Nơi cư trú: Số nhà 386, Tổ 11, ấp B T, xã B M, huyện C P, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị hại chị N T T L:

1/ Ông N T S (Sa), sinh năm 1967 – là cha ruột (có mặt)

2/ Bà L T T (Hi), sinh năm 1967 – là mẹ ruột (có mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 386, Tổ 11, ấp B T, xã B M, huyện C P, tỉnh An Giang.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T L

Địa chỉ: Số 55, đường số 16, Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà K L B, sinh ngày 29-5-1964 – Chức vụ:
Giám đốc

Người đại diện hợp pháp: Ông N N N, sinh ngày 07-11-1958 (có mặt)

Nơi cư trú: Số 17, đường số 16, phường T P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Mã số doanh nghiệp số 0303582685 đăng ký lần đầu ngày 03-12-2004, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 18-01-2016 và Giấy ủy quyền ngày 18-02-2020.

2/ Anh T T V, sinh ngày 02-02-1989 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp B T, xã B M, huyện C P, tỉnh An Giang.

3/ Anh T H O, sinh ngày 20-11-1988 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp B T, xã B T, huyện C P, tỉnh An Giang.

4/ Chị N T N L, sinh năm 1985 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp T B, xã T G, huyện T S, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) Về hành vi phạm tội của bị cáo:

khoảng 02 giờ ngày 04-02-2020, N M T điều khiển xe ô tô con biển số 51G – 403.34 từ Quận 7, Thanh phố Hồ Chí Minh đi viếng chùa tại thành phố C Đ, tỉnh An Giang. Trên xe có chở 07 người gồm: N T M A, sinh năm 1995; H T T T, sinh năm 1997; N M K, sinh năm 2017; P H P, sinh năm 1992; N T T A, sinh năm 2000; N Q T, sinh năm 2004; H T, sinh năm 2016. Đến khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe chạy trên Quốc lộ 91 theo hướng L X – C Đ. khi đến khu vực nhà thờ N G thuộc ấp B A II, xã A H, huyện C T, tỉnh An Giang; T ngủ gật, xe chạy lấn sang phần đường bên trái theo chiều xe chạy;

đụng và gây tai nạn với xe mô tô biển số 67M1 – 273.18 do chị N T T L điều khiển; tiếp tục đụng xe mô tô biển số 67D1 – 414.52 do chị T T K C điều khiển; tiếp tục đụng xe mô tô biển số 67D1 – 632.15 do chị V T K A điều khiển và tiếp tục đụng xe gắn máy biển số 67AC – 067.55 do bà H T Th điều khiển chạy trên phần đường bên phải theo hướng C Đ – L X. Hậu quả chị L bị thương nặng được đưa đi cấp cứu và tử vong tại Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang cùng ngày. Chị K A, chị K C và bà Th bị xây sát ngoài da không nằm viện. Xe mô tô biển số 67M1 – 273.18, xe mô tô biển số 67D1 – 414.52, xe mô tô biển số 67D1 – 632.15 và xe gắn máy biển số 67AC – 067.55 bị hư hỏng. Sau khi xảy ra tai nạn, T xuống xe tiếp đưa nạn nhân đi cấp cứu.

Ngay sau khi tai nạn xảy ra, Đội Cảnh sát Giao thông, Trật tự – Công an huyện C T tiếp nhận tin báo và báo cáo Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện C T thành lập Hội đồng khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông. Tiến hành kiểm tra nồng độ cồn của N M T, kết quả là 0,00mg/1 lít khí thở; N T T L, kết quả là 02mg/100ml máu; T T K C, kết quả là 0,00mg/1 lít khí thở; V T K A, kết quả là 0,00mg/1 lít khí thở; H T Th, kết quả là 0,00mg/1 lít khí thở. Đồng thời tạm giữ xe ô tô con biển số 51G – 403.34, xe mô tô biển số 67M1 – 273.18, xe mô tô biển số 67D1 – 414.52, xe mô tô biển số 67D1 – 632.15 và xe gắn máy biển số 67AC – 067.55.

Ngày 14-02-2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện C T tiến hành đưa chị K C, chị K A và bà Th đi giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể. Chị K C, chị K A và bà Th từ chối giám định vì không yêu cầu xử lý hành vi của T.

Ngày 16-3-2020, T bị khởi tố để điều tra.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa: Bị cáo N M T khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung vụ án đã nêu.

Trong quá trình điều tra

Bị hại chị T T K C trình bày: Chị bị thương nhẹ, không nằm viện. T có đến thăm, thỏa thuận bồi thường chi phí sửa chữa xe và chị đã nhận đủ 500.000 đồng, chị không yêu cầu T bồi thường gì thêm, chị đã nhận lại xe mô tô biển số 67D1 – 414.52 và làm đơn xin miễn trách nhiệm hình sự đối với T.

Bị hại chị V T K A trình bày: Chị bị thương nhẹ, không nằm viện. T có đến thăm, thỏa thuận bồi thường chi phí sửa chữa xe và chị đã nhận đủ 5.500.000 đồng, chị không yêu cầu T bồi thường gì thêm, chị đã nhận lại xe mô tô biển số 67D1 – 632.15 và làm đơn xin miễn trách nhiệm hình sự đối với T.

Bị hại bà H T Th trình bày: Bà bị thương nhẹ, không nằm viện. T có đến thăm, thỏa thuận bồi thường chi phí sửa chữa xe và bà đã nhận đủ 1.000.000 đồng, bà không yêu cầu T bồi thường gì thêm, bà đã nhận lại xe gắn máy biển số 67AC – 067.55 và làm đơn xin miễn trách nhiệm hình sự đối với T.

Người đại diện hợp pháp của bị hại ông N T S và bà L T T trình bày: Ông bà là cha mẹ ruột của N T T L. L không có chồng và con. T có đến thăm, thỏa thuận bồi thường và ông bà đã nhận đủ tổng cộng là 214.000.000 đồng gồm:

Chi phí vận chuyển nạn nhân là 800.000 đồng; chi phí hòm, đồ mai táng là 19.500.000 đồng; chi phí mua đất chôn cất là 48.000.000 đồng; chi phí vật tư xây mã là 17.500.000 đồng; chi phí tiền công xây mã là 12.000.000 đồng; chi phí làm tuần thất là 14.000.000 đồng; chi phí sửa chữa xe là 10.000.000 đồng; tổn thất tinh thần là 88.200.000 đồng. Ông bà không yêu cầu T bồi thường gì thêm, ông bà đã nhận lại xe mô tô biển số 67M1 – 273.18 và làm đơn xin miễn trách nhiệm hình sự đối với T; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T L có ông N N N trình bày: Ông được ủy quyền giải quyết vụ tai nạn giao thông. Hiện Công ty đã nhận lại xe ô tô con biển số 51G – 403.34, Công ty không yêu cầu N M T phải bồi thường trách nhiệm dân sự.

Trong quá trình điều tra người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh T T V, anh T H O, chị N T N L. Người làm chứng: Bà N T X M, ông T T X, ông N V K, chị N T M A, chị H T T T, anh P H P và chị N T T A trình bày như nội dung vụ án đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố; hành vi của bị cáo N M T đủ yếu tố cấu thành tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ. Bị cáo đã có hành vi điều khiển xe con biển số 51G – 403.34 tham gia giao thông đường bộ trên Quốc lộ 91 theo hướng L X – C Đ. khi đến khu vực nhà thờ N G thuộc ấp B A II, xã A H, huyện C T, tỉnh An Giang; T ngủ gật, xe chạy lấn sang phần đường bên trái theo chiều xe chạy; đụng và gây tai nạn với xe mô tô biển số 67M1 – 273.18 do chị N T T L điều khiển; tiếp tục đụng xe mô tô biển số 67D1 – 414.52 do chị T T K C điều khiển; tiếp tục đụng xe mô tô biển số 67D1 – 632.15 do chị V T K A điều khiển và tiếp tục đụng xe gắn máy biển số 67AC – 067.55 do bà H T Th điều khiển chạy trên phần đường bên phải theo hướng C Đ – L X. Hậu quả chị L bị thương nặng được đưa đi cấp cứu và tử vong tại Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang cùng ngày. Chị K A, chị K C và bà Th bị xây xát ngoài da không nằm viện. Xe mô tô biển số 67M1 – 273.18, xe mô tô biển số 67M1 – 273.18, xe mô tô biển số 67D1 – 414.52, xe mô tô biển số 67D1 – 632.15 và xe gắn máy biển số 67AC – 067.55 bị hư hỏng. Do đó, T phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi này.

b) Về các vấn đề khác của vụ án:

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông ngày 04-02-2020, của Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện C T, tỉnh An Giang ghi nhận: Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn giao thông là đường thẳng, chiều rộng mặt đường là 10,8m, được tráng nhựa bằng phẳng, có tim đường là vạch sơn kẻ đường không liền nét, chia hai chiều đường có chiều rộng bằng nhau là 5,4m; đoạn đường thuộc tuyến Quốc lộ 91.

Tại Biên bản khám nghiệm xe con biển số 51G – 403.34, xe mô tô biển số 67M1 – 273.18, xe mô tô biển số 67D1 – 414.52, xe mô tô biển số 67D1 – 632.15 và xe gắn máy biển số 67AC – 067.55 vào ngày 05-02-2020 và ngày 13-02-2020 của Công an huyện C T, tỉnh An Giang ghi nhận: Cả năm xe đều bị hư hỏng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 11/KL.HĐ ngày 18-02-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C T, tỉnh An Giang kết luận: Xe mô tô biển số 67M1 – 273.18 bị thiệt hại là 6.000.000 đồng, xe mô tô biển số 67D1 – 414.52 bị thiệt hại là 500.000 đồng, xe mô tô biển số 67D1 – 632.15 bị thiệt hại là 2.500.000 đồng và xe gắn máy biển số 67AC – 067.55 bị thiệt hại là 500.000 đồng.

Tại Biên bản khám nghiệm tử thi, Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 28/2020/TT ngày 04-02-2020 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện C T và Trung tâm pháp y thuộc sở y tế tỉnh An Giang xác định nguyên nhân chết của chị N T T L: Sốc đa chấn thương, sốc mất máu cấp do vỡ gan, vỡ lách, gãy xương đùi trái và cẳng chân trái.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, các bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về Biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản khám nghiệm phương tiện; Biên bản kiểm tra nồng độ cồn trong máu; Biên bản khám nghiệm tử thi; kết luận giám định pháp y nêu trên.

Bản cáo trạng số 19/VKSCT-HS ngày 28-5-2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo N M T về tội: “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” Theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 260 Bộ Luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

*Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 260; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo tự nguyện sửa chữa, bồi thường toàn bộ thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu; bị cáo chấp hành tốt lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn yêu cầu miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xin cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 1, khoản 2 Điều 51. Do đó, cần áp dụng Điều 65 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; xử phạt bị cáo N M T mức án 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 03 (ba) năm đến 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án 15-7-2020.

*Phần bồi thường dân sự, bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại là chị T T K C, chị V T K A, bà H T Th; người đại diện hợp pháp của bị hại là

ông N T S, bà L T T và chị C, chị K A, bà Th, ông S, bà T không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T L cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự nên không đặt ra xem xét.

***Vật chứng vụ án:**

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành đã trao trả cho:

- Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T L 01 xe ô tô con biển số 51G – 403.34, số máy: D4HBGH743719, số khung: RNYH52A6GC091707.

- Ông N T S, bà L T T xe mô tô biển số 67M1 – 273.18, nhãn hiệu: Hoanda, loại: Wave Alpha, màu sơn: Đỏ – đen – bạc, số máy: HC12E5537610, số khung: KLHHC1217DY537509.

- Chị T T K C xe mô tô biển số 67D1 – 414.52, nhãn hiệu: Hoanda, loại: Wave, màu sơn: Trắng – đen – bạc, số máy: HC12E5653394, số khung: 1218DY653334.

- Chị V T K A xe mô tô biển số 67D1 – 632.15, nhãn hiệu: Hoanda, loại: Future, màu sơn: Đỏ – đen, số máy: JC335E0003794, số khung: 3504Y003689

- Bà H T Th 01 xe gắn máy biển số 67AC – 067.55, nhãn hiệu: SMILE, loại: 50, màu sơn: Xám – bạc, số máy: 39FMB4012769, số khung: BWPJDA012769.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành hiện còn đang giữ tang vật liên quan đến vụ án theo Quyết định chuyển vật chứng số 16/QĐ-VKSCT-HS ngày 28-5-2020 gồm: Giấy phép lái xe hạng B2 số 790136424853 có giá trị sử dụng đến ngày 20-9-2029 mang tên N M T do Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20-9-2019 là tài sản của bị cáo, bị cáo có yêu cầu nhận lại. Căn cứ Điều 41 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã biết lỗi, bị cáo hối hận, bị cáo hứa sửa đổi, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:* Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trong vụ án này có các bị hại; một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; một số người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử giải quyết vụ án, mặt khác, những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ trước tòa. Căn cứ Điều 292 và Điều 293 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung vụ án:* Như vậy đã có đủ căn cứ để xác định khoảng 06 giờ 30 phút ngày 04-02-2020, trên tuyến Quốc lộ 91 theo hướng L X – C Đ, tại khu vực nhà thờ N G thuộc ấp B A II, xã A H, huyện C T, tỉnh An Giang. N M T điều khiển xe ô tô con biển số 51G – 403.34 trên xe có chở 07 người. Do T ngủ gật, để xe chạy lấn sang phần đường bên trái theo chiều xe chạy thì đụng và gây tai nạn với xe mô tô biển số 67M1 – 273.18 do chị N T T L điều khiển; tiếp tục đụng xe mô tô biển số 67D1 – 414.52 do chị T T K C điều khiển; tiếp tục đụng xe mô tô biển số 67D1 – 632.15 do chị V T K A điều khiển và tiếp tục đụng xe gắn máy biển số 67AC – 067.55 do bà H T Th điều khiển chạy trên phần đường bên phải theo hướng C Đ – L X. Hậu quả chị N T T L bị thương nặng được đưa đi cấp cứu và tử vong tại Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang cùng ngày. Chị K A, chị K C và bà Th bị xây sát ngoài da không nằm viện. Xe ô tô con biển số 51G – 403.34, xe mô tô biển số 67M1 – 273.18, xe mô tô biển số 67D1 – 414.52, xe mô tô biển số 67D1 – 632.15 và xe gắn máy biển số 67AC – 067.55 bị hư hỏng, cần phải sửa chữa, phục hồi, thay thế các loại phụ tùng trọn gói tổng cộng là 9.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã xâm hại đến tính mạng của bị hại chị L, làm hư hỏng tài sản tổng trị giá là 9.500.000đ; gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn công cộng tại địa phương và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì:

“1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;

b) ...;

5. *Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.*”

Như vậy, bị cáo T đã có hành vi điều khiển xe con biển số 51G – 403.34 tham gia giao thông đường bộ trên Quốc lộ 91 theo hướng L X – C Đ. Do T ngủ gật, để xe chạy lấn sang phần đường bên trái theo chiều xe chạy; vi phạm vào khoản 23 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật Giao thông Đường bộ năm 2008 gây tai nạn làm chết một người nên đủ yếu tố cấu thành tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:* Trong những năm gần đây, tình hình tai nạn giao thông đường bộ diễn ra ngày càng nhiều,

gây thiệt hại đáng kể đến tính mạng, sức khỏe và tài sản. Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tai nạn là do người điều khiển phương tiện giao thông không tuân thủ luật giao thông đường bộ. Bị cáo T là người thành niên, có đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình, điều khiển xe ô tô là nguồn nguy hiểm cao độ; do ngủ gật để xe chạy lấn sang làn đường bên trái theo chiều xe chạy; gây tai nạn giao thông hậu quả là bị hại chị L chết trên đường đi cấp cứu. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những gây đau thương mất mát cho gia đình nạn nhân mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, gây lo lắng cho người tham gia giao thông. Với tính chất mức độ phạm tội, hậu quả bị cáo đã gây ra cho bị hại cần thiết phải có mức án tương xứng để xét xử bị cáo nhằm giáo dục cải tạo bị cáo trở thành những công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội và răn đe phòng ngừa chung.

[4] *Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự, bị cáo vô ý phạm tội. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện sửa chữa, bồi thường toàn bộ thiệt hại, khắc phục hậu quả cho gia đình của bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu; bị cáo chấp hành tốt lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; các bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] *Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Từ sau khi thực hiện hành vi phạm tội cho đến khi có quyết định khởi tố vụ án, khởi bị can, bị cáo cũng không vi phạm pháp luật gì mới; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt; bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có con còn nhỏ chỉ 3 tuổi. Căn cứ Điều 65 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, cần tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục lao động, làm lại cuộc đời; Hội đồng xét xử có cân nhắc xem xét nghĩ không cần thiết buộc bị cáo phải cách ly xã hội, mà có thể buộc bị cáo chấp hành hình phạt dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú, như đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị cũng đủ mức tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội; đồng thời vẫn đảm bảo được mục đích chống và phòng ngừa chung trong xã hội đối với loại tội phạm này.

[7] *Về vật chứng của vụ án:*

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành đã trao trả cho:

- Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T L 01 xe ô tô con biển số 51G – 403.34, số máy: D4HBGH743719, số khung: RNYH52A6GC091707.

- Ông N T S, bà L T T xe mô tô biển số 67M1 – 273.18, nhãn hiệu: Hoanda, loại: Wave Alpha, màu sơn: Đỏ – đen – bạc, số máy: HC12E5537610, số khung: KLHHC1217DY537509.

- Chị T T K C xe mô tô biển số 67D1 – 414.52, nhãn hiệu: Hoanda, loại: Wave, màu sơn: Trắng – đen – bạc, số máy: HC12E5653394, số khung: 1218DY653334.

- Chị V T K A xe mô tô biển số 67D1 – 632.15, nhãn hiệu: Hoanda, loại: Future, màu sơn: Đỏ – đen, số máy: JC335E0003794, số khung: 3504Y003689

- Bà H T Th 01 xe gắn máy biển số 67AC – 067.55, nhãn hiệu: SMILE, loại: 50, màu sơn: Xám – bạc, số máy: 39FMB4012769, số khung: BWPJDA012769.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành hiện còn đang giữ tang vật liên quan đến vụ án theo Quyết định chuyển vật chứng số 16/QĐ-VKSCT-HS ngày 28-5-2020 gồm: Giấy phép lái xe hạng B2 số 790136424853 có giá trị sử dụng đến ngày 20-9-2029 mang tên N M T do Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20-9-2019 là tài sản của bị cáo, bị cáo có yêu cầu nhận lại. Căn cứ Điều 41 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử xem xét tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho:

Bị hại chị T T K C tiền sửa chữa xe mô tô biển số 67D1 – 414.52 là 500.000 đồng, chị C không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nên không đặt ra xem xét.

Bị hại chị V T K A tiền sửa chữa xe mô tô biển số 67D1 – 632.15 là 5.500.000 đồng, chị K A không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nên không đặt ra xem xét.

Bị hại bà H T Th tiền sửa chữa xe gắn máy biển số 67AC – 067.55 là 1.000.000 đồng, bà Th không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nên không đặt ra xem xét.

Người đại diện hợp pháp của bị hại (chị N T T L, chết ngày 04-02-2020) có ông N T S và bà L T T nhận tổng cộng là 214.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của bị hại ông S, bà T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nên không đặt ra xem xét.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T L có ông N N N là người đại diện hợp pháp của công ty không yêu cầu bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự nên không đặt ra xem xét.

[9] Án phí: Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án; Điều 136 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo N M T phải chịu: 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[10] *Quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo N M T; người đại diện hợp pháp của bị hại ông N T S, bà L T T; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15-7-2020);

Bị hại chị T T K C, chị V T K A, bà H T Th; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh T T V, anh T H O, chị N T N L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 Tuyên bố: bị cáo N M T phạm tội: *“Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”*.

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xử phạt N M T 02 (hai) năm tù về tội *“Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”*, nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án 15-7-2020.

Giao bị cáo N M T cho UBND Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo N M T (người được hưởng án treo) có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án Hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo T (người đó) phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo T (người đó) phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào: khoản 5 Điều 260 và Điều 41 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Cấm bị cáo N M T lái xe ô tô thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào: Điều 41, Điều 46 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tiếp tục tạm giữ 01 (một) giấy phép lái xe hạng B2 số 790136424853 có giá trị sử dụng đến ngày 20-9-2029 mang tên N M T do Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20-9-2019 theo Quyết

định chuyển vật chứng số 16/QĐ-VKSCT-HS ngày 28-5-2020 cho đến khi kết thúc thời hạn cấm bị cáo N M T lái xe ô tô thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 136 Bộ Luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo N M T phải chịu: 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào: Điều 331 và Điều 333 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo N M T; người đại diện hợp pháp của bị hại ông N T S, bà L T T; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15-7-2020);

Bị hại chị T T K C, chị V T K A, bà H T Th; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh T T V, anh T H O, chị N T N L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích chế độ án treo cho bị cáo).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành;
- Nhà Tạm giữ – Công an huyện Châu Thành;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- UBND Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

Lý Đông Hoà